

Số: 03/TB-NDU

Buôn Ma Thuột, ngày 30 tháng 06 năm 2025

THÔNG BÁO

**Điểm chuẩn, danh sách học sinh trúng tuyển
vào lớp 10 năm học 2025 – 2026 và kế hoạch làm thủ tục nhập học**

1. Điểm chuẩn và danh sách học sinh trúng tuyển

Căn cứ Quyết định 687/QĐ-SGDDT ngày 30/6/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Đắk Lắk V/v chuẩn y điểm trúng tuyển và số lượng trúng tuyển Kỳ thi tuyển sinh lớp 10 THPT năm học 2025-2026, *Nhà trường trân trọng thông báo và chúc mừng 350 học sinh đã trúng tuyển vào lớp 10 Trường THPT Chuyên Nguyễn Du năm học 2025-2026 (khóa 30, 2025-2028) (có danh sách kèm theo).*

2. Học sinh trúng tuyển làm thủ tục nhập học

a. Thời gian: 03 ngày, từ ngày 02/7 đến hết ngày 04/7/2025, buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ; buổi chiều từ 14 giờ đến 17 giờ; **hồ sơ nhập học gồm:**

- Giấy chứng nhận tạm thời tốt nghiệp THCS (Bản chính)
- Học bạ THCS (Bản chính)
- Bản sao Giấy khai sinh hợp lệ
- Bản photo Căn cước công dân và Thẻ bảo hiểm y tế (*không công chứng*)
- 4 ảnh thẻ 3x4 (mới chụp trong vòng 6 tháng, mặt sau ảnh ghi rõ họ tên, lớp.

Trường không nhận ảnh có đeo khăn quàng đỏ)

- Khi làm thủ tục nhập học, học sinh đăng ký số đo đồng phục thể dục, áo khoác
- Đơn xin ở nội trú (*đối với học sinh ở cách xa trường trên 15km*).

b. Tạm nộp một số khoản ban đầu tại phòng Tài vụ.

3. Sau 11 giờ 00 ngày 07/7/2025: Học sinh trong danh sách trúng tuyển không đến làm thủ tục nhập học, nhà trường sẽ làm Tờ trình đề nghị Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Đắk Lắk chuẩn y học sinh vị thứ liền kề vào danh sách trúng tuyển bổ sung, thay thế những học sinh không đến làm thủ tục nhập học.

4. Kế hoạch tập trung học sinh, sinh hoạt câu lạc bộ bộ môn và bồi dưỡng chuyên

- Đúng 7 giờ 00 ngày 28/7/2025, học sinh khối 10 tập trung tại sân trường để nghe phổ biến kế hoạch học tập, chuẩn bị sách giáo khoa, đồ dùng học tập, sắp xếp phòng ở KTX và các kế hoạch khác.

- Từ 7 giờ 30 ngày 28/07/2025: Học sinh về lớp để giáo viên dạy chuyên gặp mặt, thông báo kế hoạch học tập, sinh hoạt câu lạc bộ bộ môn, chuẩn bị sách giáo khoa, tài liệu học tập và các nội dung khác. *Trân trọng!*

*** Nơi nhận:**

- Niêm yết bản tin và BBT Website
- Lưu VP nhà trường



SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT

DANH SÁCH
THÍ SINH TRÚNG TUYỂN LỚP 10 THPT CHUYÊN NGUYỄN DU
NĂM HỌC 2025 - 2026
Lớp: ĐỊA LÝ CHUYÊN



Số TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường THCS/ TH&THCS	Điểm M.C	Điểm Ngoại ngữ	Điểm Văn	Điểm Toán	Tổng điểm
1	530785	Trần Nguyễn Khánh Ly	Nữ	29/08/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	8	9.25	8.25	9	42.5
2	530795	Ngô Minh Thư	Nữ	27/08/2010	Trường THCS Tân Lợi	7.25	9	8	9.25	40.75
3	530792	Trần Cao Hạnh Phương	Nữ	24/02/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	7.75	9.75	7.75	7.5	40.5
4	530798	Đỗ Thảo Tiên	Nữ	08/01/2010	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	7	9.5	8.5	8.75	40.75
5	530773	Nguyễn Quỳnh Anh	Nữ	27/01/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	7	9.25	8.25	8.75	40.25
6	530782	Đặng Minh Khôi	Nam	29/09/2010	Trường THCS và THPT Đông Du	7.75	9.5	7.25	8	40.25
7	530797	Nguyễn Ngọc Thùy Tiên	Nữ	01/04/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	7	7.5	8.5	9	39
8	530783	Lê Thị Phương Linh	Nữ	22/04/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	6.75	8.75	8.5	8.75	39.5
9	530708	Nguyễn Ngọc Thảo Quyên	Nữ	03/07/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	6	9.5	9	8.75	39.25
10	530770	Phan Tiến Anh	Nam	18/06/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	7.5	8	7.25	8.5	38.75
11	530629	Đỗ Minh Anh	Nữ	19/01/2010	Trường THCS Tân Lợi	6.25	9	9	8.75	39.25
12	530788	Phạm Ngô Khánh Ngọc	Nữ	29/09/2010	Trường THCS và THPT Đông Du	5.5	9.5	7.75	8.25	36.5
13	530776	Đỗ Quốc Cường	Nam	21/08/2010	Trường Phổ Thông Dân Tộc Nội Trú Tây Nguyên	6.25	7.75	7.25	8.25	35.75
14	530707	Phạm Đặng Anh Quốc	Nam	20/02/2010	Trường THCS Phạm Hồng Thái	6.5	9.25	8.25	8.75	39.25
15	530781	Trần Trọng Gia Hưng	Nam	22/01/2010	TRƯỜNG THCS PHAN BỘI CHÂU	7.25	9	7.25	7.75	38.5
16	530651	Lê Hoàng Bảo Hân	Nữ	17/10/2010	THCS Nguyễn Tất Thành	6.75	8.75	8.75	8	39
17	530793	Lê Quang Thái	Nam	07/05/2010	Trường THCS Đoàn Thị Điểm	7	8	6.25	8.75	37
18	530640	Trần Thị Thu Dung	Nữ	02/05/2010	THCS Nguyễn Tất Thành	7	8.25	8.75	7.25	38.25
19	530784	Trần Ngọc Gia Linh	Nữ	20/06/2010	Trường THCS Phạm Hồng Thái	5.75	8.75	7	8.5	35.75
20	530801	Nguyễn Huy Tuấn	Nam	19/05/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	6	8.25	6.75	8.75	35.75
21	530718	Ngô Khánh Thư	Nữ	16/08/2010	Trường THCS Tân Lợi	6.5	8.75	8.75	8.75	39.25
22	530787	Lê Phan Khánh Ngọc	Nữ	25/06/2010	Trường THCS và THPT Đông Du	5.75	9.75	7.75	9.5	38.5
23	530737	Thới Đỗ Nhã Uyên	Nữ	13/03/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	6.5	8.25	8	9	38.25
24	530698	Lê Nguyễn Tuệ Nhi	Nữ	12/01/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	6.75	9.25	7.75	8.75	39.25
25	530659	Từ Như Gia Khang	Nam	10/09/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	6.5	9	6.5	8.75	37.25
26	530794	Vũ Thị Minh Thư	Nữ	06/10/2010	Trường THCS Tân Lợi	5.5	8.25	8.25	8.75	36.25



27	530780	Nguyễn Quốc Huy	Nam	13/10/2010	Trường Phổ Thông Dân Tộc Nội Trú Tây Nguyên	7	6.25	7.25	8.25	35.75
28	530723	Võ Trần Minh Thư	Nữ	31/01/2010	Trường THCS Đào Duy Từ	7.5	7.25	8	7.25	37.5
29	530695	Lê Nguyễn Thảo Nhi	Nữ	01/01/2010	Trường THCS Tân Lợi	7	9.25	7.5	8.5	39.25
30	530789	Võ Kim Thảo Nguyên	Nữ	20/12/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	6.25	8.75	7	8	36.25
31	530790	Trần Khánh Nhi	Nữ	20/05/2010	Trường THCS Quang Trung	8.5	8.5	8	5.5	39
32	530786	Chè Lê Trung Nghĩa	Nam	15/11/2010	THCS Thị Trấn Phước An	7	8.25	7.25	8.5	38
33	530669	Nguyễn Ngọc Quỳnh Mai	Nữ	19/04/2010	Trường THCS Đoàn Thị Điểm	6.25	8	8.75	8.75	38
34	530796	Trần Ngọc Mai Thy	Nữ	12/04/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	6.5	9.5	7.5	8.75	38.75
35	530643	Lương Hà Giang	Nữ	11/03/2010	Trường THCS Đoàn Thị Điểm	8.75	5.5	8.75	5.5	37.25

Danh sách này gồm: 35 thí sinh

Đắk Lắk, ngày 30 tháng 6 năm 2025

Giám đốc

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT

DANH SÁCH
THÍ SINH TRÚNG TUYỂN LỚP 10 THPT CHUYÊN NGUYỄN DU
NĂM HỌC 2025 - 2026
Lớp: VẬT LÝ CHUYÊN



Số TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường THCS/ TH&THCS	Điểm M.C	Điểm Ngoại ngữ	Điểm Văn	Điểm Toán	Tổng điểm
1	530416	Ngô Phương Nhung	Nữ	23/11/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	9.25	9.75	8.75	9.5	46.5
2	530400	Phạm Bảo Lâm	Nam	09/02/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	8.25	10	7.5	9.5	43.5
3	530386	Trần Hoàng Minh Hùng	Nam	22/04/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	7.75	9.5	8	9.5	42.5
4	530381	Nguyễn Việt Hân	Nữ	03/02/2010	THCS Nguyễn Tất Thành	7.75	9.75	7.5	9.25	42
5	530382	Hà Nguyễn Duy Hiếu	Nam	15/10/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	7.5	9.5	7.25	8.75	40.5
6	530420	Phạm Thiên Phúc	Nam	10/12/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	7	8.75	8.5	9.25	40.5
7	530418	Nguyễn Thanh Phát	Nam	24/06/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	7.25	8.5	8	9.5	40.5
8	530412	Hoàng Minh Nhật	Nam	23/09/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	6.75	9	7.5	9.5	39.5
9	530426	Hồ Thiện Sang	Nam	17/09/2010	Trường THCS Đào Duy Từ	5.25	9.5	8.25	8.75	37
10	530362	Đoàn Vũ Mai Anh	Nữ	10/05/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	4.75	8.75	8.5	8.25	35
11	530393	Phạm Đăng Khoa	Nam	21/09/2010	THCS Lý Tự Trọng	5	8.25	7.75	9	35
12	530406	Lưu Trà My	Nữ	25/04/2010	THCS Trần Quang Diệu	4.25	8.75	8	9.5	34.75
13	530365	Nguyễn Đức Hồng Anh	Nam	05/04/2010	THCS Nguyễn Trãi	5	7.75	8	8.75	34.5
14	530361	Nguyễn Vũ Bảo Anh	Nữ	07/07/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	5.75	9.5	7.75	9.25	38
15	530417	Nguyễn Châu Gia Phát	Nam	25/05/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	5.5	8.75	7.25	8.75	35.75
16	530375	Lê Vĩnh Đức	Nam	19/08/2010	Trường Trung Học Cơ Sở Ngô Quyền	5.25	9.25	8	9	36.75
17	530411	Phan Thành Nguyên	Nam	13/10/2010	Trường THCS Trần Quang Diệu	6.25	7.5	6.5	8.75	35.25
18	530429	Trương Tiến Thành	Nam	13/06/2010	Trường THCS Đoàn Thị Điểm	5	7.5	8.25	9.25	35
19	530383	Lê Minh Hoàng	Nam	11/11/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	6	9.75	8	9	38.75
20	530402	Trần Diệu Linh	Nữ	17/08/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	5.75	9.25	8.5	9.25	38.5
21	530421	Lê Thanh Phước	Nam	19/09/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	5.5	9.75	8	9	37.75
22	530397	Lê Công Tuấn Kiệt	Nam	04/10/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	5	9	6.5	9.5	35
23	530394	Nguyễn Huy Khôi	Nam	09/02/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	5.25	9.25	7.5	8.5	35.75
24	530435	Nguyễn Khánh Toàn	Nam	21/11/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	5.75	8.5	8.25	8.75	37
25	530384	Vũ Đình Hoàng	Nam	18/03/2010	Trường THCS Lương Thế Vinh	4.75	8.75	7.25	9	34.5
26	530424	Lại Minh Quân	Nam	28/04/2010	Trường THCS Đoàn Thị Điểm	4.75	8.75	8.5	8.75	35.5
27	530391	Bùi Ngọc Khánh	Nữ	22/04/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	5	10	8	8.75	36.75
28	530389	Nguyễn Lâm Hương	Nữ	31/03/2010	Trường THCS Trần Quang Diệu	4.75	9	6.75	8.75	34



29	530378	Lê Thanh Hải	Nam	29/01/2010	THCS Hồ Tùng Mậu	5.25	9.5	8	9	37
30	530438	Nguyễn Đình Trung	Nam	06/01/2010	THCS Nguyễn Tất Thành	5.75	8	7.75	8.75	36
31	530415	Đoàn Phương Nhi	Nữ	12/02/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	6.5	9.25	8	8.5	38.75
32	530423	Lâm Nguyễn Văn Quân	Nam	25/06/2010	THCS Nguyễn Tất Thành	5.5	6.25	8.25	9.25	34.75
33	530374	Hoàng Mạnh Đức	Nam	29/03/2010	TH, THCS VÀ THPT VICTORY	4.25	8.75	8	8.75	34
34	530433	Phạm Khánh Thy	Nữ	04/06/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	4.25	9.5	7.5	8.75	34.25
35	530390	Đặng Nguyễn Gia Khang	Nam	27/03/2010	Trường THCS và THPT Đông Du	4.75	8	7.5	9	34

Danh sách này gồm: 35 thí sinh

Đắk Lắk, ngày 30 tháng 6 năm 2025

Giám đốc

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT

DANH SÁCH
THÍ SINH TRÚNG TUYỂN LỚP 10 THPT CHUYÊN NGUYỄN DU
NĂM HỌC 2025 - 2026
Lớp: HÓA HỌC CHUYÊN



Số TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường THCS/ TH&THCS	Điểm M.C	Điểm Ngoại ngữ	Điểm Văn	Điểm Toán	Tổng điểm
1	530524	Cao Nguyễn Hiền Thư	Nữ	22/12/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	8.6	9.75	8.75	8.5	44.2
2	530483	Nguyễn Tất Hưng	Nam	24/08/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	8	9.75	9	9.5	44.25
3	530544	Tăng Hoàng Thiên Vũ	Nam	30/01/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	8.28	9	8.75	9.5	43.81
4	530469	Đỗ Bảo Gia	Nam	26/06/2010	TRƯỜNG TH, THCS VÀ THPT HOÀNG VIỆT	7.88	9.75	8.5	9.5	43.51
5	530468	Trần Nam Đức	Nam	18/11/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	8.01	9.25	8.5	9.5	43.27
6	530480	Trần Võ Song Huy	Nam	16/08/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	8.1	9.5	8.25	9.25	43.2
7	530449	Nguyễn Hoàng Phương Anh	Nữ	09/09/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	7.95	9.75	8.25	8.75	42.65
8	530495	Phạm Hoàng Gia Linh	Nữ	24/10/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	7.35	10	8.5	9.25	42.45
9	530481	Nguyễn Đức Huy	Nam	16/01/2010	Trường THCS Tân Lợi	7.68	9.5	8.5	9	42.36
10	530535	Nguyễn Gia Trí	Nam	09/09/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	8.95	7.75	7.5	8.5	41.65
11	530486	Bùi Viết Gia Khang	Nam	06/07/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	7.83	8.75	8.25	8.5	41.16
12	530488	Trần Duy Khánh	Nam	10/09/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	7.5	9.75	7.25	9.25	41.25
13	530484	Nguyễn Quốc Hy	Nam	02/02/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	7	9.75	8	9.25	41
14	530473	Võ Đặng Hoàng Hải	Nam	07/03/2010	THCS Hồ Tùng Mậu	7.38	9.75	8.25	8.5	41.26
15	530487	Lê Nam Khánh	Nam	03/03/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	6.98	9.75	8	9.25	40.96
16	530474	Nguyễn Đặng Đức Hải	Nam	03/01/2010	Trường THCS Đoàn Thị Điểm	7.38	9.25	8.25	8.5	40.76
17	530519	Nguyễn Việt Thành	Nam	05/09/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	7.8	8.75	7.5	9	40.85
18	530471	Đỗ Quỳnh Giao	Nữ	24/04/2010	THCS Nguyễn Tất Thành	7.33	9	8.75	8.25	40.66
19	530470	Nhữ Hương Giang	Nữ	28/11/2010	Trường THCS Đinh Tiên Hoàng	7.13	9.25	7.75	8.75	40.01
20	530532	Trần Khắc Tín	Nam	08/05/2010	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân	7.45	9.25	6.75	9.25	40.15
21	530482	Lê Đức Huy	Nam	29/07/2010	Trường THCS Phạm Hồng Thái	6.63	10	8	8.75	40.01
22	530511	Phạm Thiên Phúc	Nam	01/09/2010	THCS Chu Văn An	7.13	9.25	7.75	8.75	40.01
23	530465	Phạm Hải Đăng	Nam	29/06/2010	THCS Nguyễn Tất Thành	6.98	9.25	8	9	40.21
24	530502	Lương Khôi Nguyên	Nam	06/11/2010	Trường THCS Đào Duy Từ	7.3	9.75	7.25	8.5	40.1
25	530545	Nguyễn Kiều Vy	Nữ	21/08/2010	TRƯỜNG TH, THCS VÀ THPT HOÀNG VIỆT	6.98	9.25	7	9.25	39.46
26	530525	Lương Hoài Thương	Nữ	13/04/2010	Trường THCS Lương Thế Vinh	6.13	9	8.5	9.5	39.26



27	530446	Trần Nguyễn Trâm Anh	Nữ	10/05/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	5.85	9.25	8.33	9	38.28
28	530447	Nguyễn Huyền Anh	Nữ	10/11/2010	Trường THCS Nguyễn Trường Tộ	5.5	9.5	9	9.25	38.75
29	530509	Quản Thanh Phong	Nam	17/03/2010	Trường THCS Phạm Văn Đồng	6.15	10	8	8.75	39.05
30	530445	Nguyễn Khắc Nam Anh	Nam	01/01/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	6.83	9.75	6	9.5	38.91
31	530451	Phan Thị Ngọc Anh	Nữ	28/05/2010	Trường THCS Đinh Tiên Hoàng	6.64	8.25	8.5	8.75	38.78
32	530515	Nguyễn Anh Quân	Nam	29/04/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	6.9	7.75	8.25	8.75	38.55
33	530513	Trương Đặng Nhật Phương	Nam	24/12/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	6.95	7.75	8.25	8.5	38.4
34	530518	Đỗ Mạnh Tâm	Nam	12/09/2010	Trường THCS Đoàn Thị Điểm	6.63	9.25	7.5	8.5	38.51
35	530537	Nguyễn Trinh	Nam	15/07/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	6.48	9	8	9	38.96

Danh sách này gồm: 35 thí sinh

Đắk Lắk, ngày 30 tháng 6 năm 2025

Giám đốc



SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT

DANH SÁCH
THÍ SINH TRÚNG TUYỂN LỚP 10 THPT CHUYÊN NGUYỄN DU
NĂM HỌC 2025 - 2026
Lớp: TIẾNG PHÁP CHUYÊN

Số TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường THCS/ TH&THCS	Điểm M.C	Điểm Ngoại ngữ	Điểm Văn	Điểm Toán	Tổng điểm
1	530211	Nguyễn Quang Vinh	Nam	12/05/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	8.7	10	7.75	9	44.15
2	530200	Trần Hoàng Gia Linh	Nữ	12/02/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	7.13	9.25	8.75	8.75	41.01
3	530203	Đoàn Đại Quốc Nguyên	Nam	18/05/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	5.25	8.25	8.25	8.5	35.5
4	530124	Lê Kim Bảo Ngọc	Nữ	25/11/2010	Trường THCS Phạm Hồng Thái	4.58	9.75	7.75	8.75	35.41
5	530009	Vũ Thiên Anh	Nam	20/04/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	4.53	9.5	7.5	8.5	34.56
6	530112	Lê Trần Tuấn Minh	Nam	02/06/2010	Trường THCS Tân Lợi	4.4	9.75	8.25	9	35.8
7	530028	Trương Đức Bình	Nam	15/01/2010	TH, THCS VÀ THPT VICTORY	4.75	9.75	8	8.25	35.5
8	530054	Nguyễn Thanh Hằng	Nữ	07/02/2010	Trường THCS Tân Lợi	4	10	8	8.75	34.75
9	530135	Nguyễn Huyền Thiên Như	Nữ	25/03/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	4.23	10	7	8.75	34.21
10	530155	Trần Giang Thanh	Nữ	03/07/2010	Trường THCS Nguyễn Khuyến	4.65	10	8	8.75	36.05
11	530164	Nguyễn Trần Minh Thư	Nữ	07/02/2010	Trường THCS Tân Lợi	3.95	10	8.75	8.75	35.4
12	530043	Nguyễn Phạm Thục Đoàn	Nữ	28/11/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	4.2	9.75	8	8.75	34.9
13	530205	Nguyễn Hoàng Phong	Nam	24/02/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	5	6.5	6.25	8	30.75
14	530196	Nguyễn An Gia Bảo	Nam	17/09/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	5.9	8.5	8.5	8.75	37.55
15	530157	Nguyễn Phương Thảo	Nữ	20/05/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	3.73	9.75	8.75	9	34.96
16	530018	Đinh Thị Hải Anh	Nữ	25/02/2010	TH, THCS VÀ THPT VICTORY	4.65	10	8	8.75	36.05
17	530017	Trần Tuấn Anh	Nam	30/03/2010	Trường THCS Lê Quý Đôn	3.98	9.5	8	8.75	34.21
18	530117	Mai Lê Na	Nữ	30/09/2010	THCS Nguyễn Tất Thành	4.18	9.25	8	8.75	34.36
19	530208	Nguyễn Bảo Thy	Nữ	12/10/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	2.3	6	7	6.75	24.35
20	530145	Phạm Trần Gia Phúc	Nam	10/06/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	4.13	9.5	7.75	8.75	34.26
21	530097	Trần Lập	Nam	25/04/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	4.85	9.75	7.25	8.75	35.45
22	530047	Lê Hồng Quân Ênuôi	Nam	09/05/2010	Trường THCS Hùng Vương	5.08	10	6.5	8.5	35.16
23	530073	Đinh Thị Khánh Huyền	Nữ	14/09/2010	Trường Trung Học Cơ Sở Ngô Quyền	4.28	9.75	8	8	34.31
24	530032	Trần Khánh Chi	Nữ	15/04/2010	Trường THCS Nguyễn Tất Thành	4.65	10	8	8.5	35.8
25	530098	Cung Hà Phương Linh	Nữ	10/01/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	4.1	9.5	7.5	9.5	34.7



26	530202	Dương Quỳnh Kim Ngân	Nữ	06/07/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	5.83	7	7.5	8.75	34.91
27	530115	Nguyễn Ngọc Diễm My	Nữ	27/02/2010	Trường THCS Hàm Nghi	4.33	10	8.25	8.75	35.66
28	530210	Mai Thanh Trúc	Nữ	27/11/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	5	8	7.5	8.25	33.75
29	530079	Phạm Gia Quỳnh Hương	Nữ	06/01/2010	THCS Nguyễn Khuyến	4.65	10	8.5	8.25	36.05
30	530058	Phạm Võ Ngọc Hân	Nữ	17/10/2010	THCS Nguyễn Tất Thành	4.5	9.25	7.75	8.75	34.75
31	530198	Trần Hà Tuấn Kỳ	Nam	08/03/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	4.65	7	6.75	8.75	31.8
32	530119	Lê Trần Kim Ngân	Nữ	21/07/2010	Trường THCS Phạm Hồng Thái	4.5	9.75	8.5	8.5	35.75
33	530197	Lương Hoàng Diễm Kiều	Nữ	19/05/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	3.28	4	7.5	6	24.06
34	530170	Nguyễn Đức Tiến	Nam	15/07/2010	Trường THCS và THPT Đông Du	4.6	10	8	8.75	35.95
35	530204	Trần Mai Bích Như	Nữ	04/10/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	5.53	6.75	8	8	33.81

Danh sách này gồm: 35 thí sinh

Đắk Lắk, ngày 30 tháng 6 năm 2025

Giám đốc

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT

DANH SÁCH
THÍ SINH TRÚNG TUYỂN LỚP 10 THPT CHUYÊN NGUYỄN DU
NĂM HỌC 2025 - 2026
Lớp: NGŨ VĂN CHUYÊN



Số TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường THCS/ TH&THCS	Điểm M.C	Điểm Ngoại ngữ	Điểm Văn	Điểm Toán	Tổng điểm
1	530680	Đào Thanh Ngân	Nữ	30/09/2010	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	9	9.5	8.5	8.75	44.75
2	530688	Bùi Nguyễn Bảo Ngọc	Nữ	24/11/2010	Trường THCS Tân Lợi	8.5	9.5	9.25	8.75	44.5
3	530741	Huỳnh Nhật Tường Vi	Nữ	07/01/2010	Trường THCS và THPT Đông Du	8	9.25	8.75	8.75	42.75
4	530691	Trần Đoàn Khánh Ngọc	Nữ	05/08/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	8	8.5	9	8.75	42.25
5	530722	Ngô Phạm Khánh Thư	Nữ	02/12/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	7.5	10	8.25	8.75	42
6	530626	Trần Võ Quỳnh Anh	Nữ	02/02/2010	Trường THCS và THPT Đông Du	8.25	8	8.75	8.75	42
7	530719	Trần Ngọc Anh Thư	Nữ	02/05/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	7.75	10	7.75	8.75	42
8	530642	Phạm Nguyễn Anh Đào	Nữ	08/02/2010	Trường THCS Trần Quang Diệu	7.75	8.5	9	8.75	41.75
9	530641	Phạm Ngọc Duyên	Nữ	20/04/2010	THCS Trần Quang Diệu	8.25	8.75	8.5	8.25	42
10	530686	Ngô Hoàng Gia Ngọc	Nữ	24/07/2010	Trường THCS và THPT Đông Du	7.75	9.25	9	8.5	42.25
11	530729	Nguyễn Bảo Trâm	Nữ	06/05/2010	Trường THCS Lương Thế Vinh	7	9.5	8.75	9.25	41.5
12	530702	Trần Nguyễn Linh Như	Nữ	12/07/2010	THCS Nguyễn Khuyến	7.33	9.5	8.5	8.75	41.41
13	530652	Lê Ngọc Hân	Nữ	22/02/2010	THCS Nguyễn Tất Thành	6.75	10	8.5	9	41
14	530728	Huỳnh Ngọc Bảo Trâm	Nữ	01/11/2010	Trường THCS Nguyễn Thị Minh Khai	8.25	8.25	8.5	8	41.25
15	530627	Nguyễn Tú Anh	Nữ	21/09/2010	Trường THCS và THPT Đông Du	7.5	9.25	8.5	7.75	40.5
16	530658	Phạm Thị Thanh Huyền	Nữ	12/05/2010	THCS Nguyễn Tất Thành	7.75	8	8.5	8.75	40.75
17	530646	Lê Thu Hà	Nữ	09/03/2010	Trường THCS Đoàn Thị Điểm	7.75	8.25	8	8.75	40.5
18	530714	Nguyễn Ngọc Bảo Thiên	Nam	02/03/2010	TH, THCS VÀ THPT VICTORY	6.5	9.75	8.75	8.75	40.25
19	530689	Trần Lê Bích Ngọc	Nữ	01/01/2010	Trường THCS Tân Lợi	6.5	10	8.5	9	40.5
20	530693	Trần Thị Thảo Nguyên	Nữ	13/02/2010	Trường THCS Trưng Vương	7.5	8.25	8.25	8.75	40.25
21	530745	Trần Bảo Yến	Nữ	21/01/2010	TH, THCS VÀ THPT VICTORY	7	9.75	7.75	8.75	40.25
22	530677	Vương Quỳnh Ngân	Nữ	01/09/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	7	9.25	8	8.75	40



23	530715	Nguyễn Phan Thu Thủy	Nữ	21/07/2010	Trường THCS và THPT Đông Du	7	9.5	7.75	8.75	40
24	530655	Bùi Gia Phúc Hoài	Nữ	21/02/2010	Trường THCS Đào Duy Từ	6	9.75	8.75	9.5	40
25	530679	Ngô Ngọc Ngân	Nữ	29/05/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	6.5	9.5	8.5	9	40
26	530735	Trương Lê Công Tuấn	Nam	07/11/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	7.25	8	9	8.5	40
27	530720	Trần Minh Thư	Nữ	26/06/2010	Trường THCS Đoàn Thị Điểm	7	8.75	8.25	8.75	39.75
28	530620	Võ Thúy An	Nữ	28/05/2010	TH, THCS VÀ THPT VICTORY	7.5	8	8	8.75	39.75
29	530638	Trần Phạm Khánh Chi	Nữ	23/01/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	6.75	9	8.75	8.75	40
30	530696	Nguyễn Ngọc Quỳnh Nhi	Nữ	01/06/2010	Trường Tiểu học & THCS Nguyễn Khuyến	7.5	7	8.5	8.75	39.25
31	530683	Nguyễn Nam Nghi	Nữ	09/04/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	6.5	8.75	9	8.75	39.5
32	530663	Lê Cát Bạch Lan	Nữ	13/01/2010	Trường THCS Lê Lợi	6.5	9	8.5	9	39.5
33	530736	Đặng Thùy Phương Uyên	Nữ	31/03/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	7	9	7.75	8.75	39.5
34	530622	Nguyễn Phương Anh	Nữ	13/07/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	7.5	8.25	7.75	8.25	39.25
35	530694	Nguyễn Võ Thảo Nguyên	Nữ	08/05/2010	Trường THCS Quang Trung	6.5	9	9	8.75	39.75

Danh sách này gồm: 35 thí sinh

Đắk Lắk, ngày 30 tháng 6 năm 2025

Giám đốc

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT

DANH SÁCH
THÍ SINH TRÚNG TUYỂN LỚP 10 THPT CHUYÊN NGUYỄN DU
NĂM HỌC 2025 - 2026
Lớp: TOÁN HỌC CHUYÊN



Số TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường THCS/ TH&THCS	Điểm M.C	Điểm Ngoại ngữ	Điểm Văn	Điểm Toán	Tổng điểm
1	530281	Hồ Hoàng Kiệt	Nam	03/10/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	9	9	8.25	10	45.25
2	530357	Bạch Ngọc Vương	Nam	27/11/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	9.5	10	9	10	48
3	530253	Hoàng Huỳnh Ngọc Hoan	Nam	14/08/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	9.5	9.75	8.25	9.75	46.75
4	530237	Lê Đình Dũng	Nam	30/09/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	9	9.75	8	10	45.75
5	530340	Lê Phương Thảo	Nữ	19/03/2010		7.25	9.75	8.5	10	42.75
6	530314	Trần Hoàng Nguyên	Nam	02/01/2010	Trường THCS và THPT Đông Du	6.5	9.5	8.5	10	41
7	530336	Sara Mlô	Nữ	16/10/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	6	9.75	9	9.5	40.25
8	530327	Trần Hiệp Phúc	Nam	24/05/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	7.25	7.5	7.5	10	39.5
9	530261	Bùi Ngọc Huyền	Nữ	26/04/2010	THCS Lương Thế Vinh	6.25	9.75	8.25	9	39.5
10	530225	Lê Quỳnh Anh	Nữ	04/02/2010	Trường THCS Nguyễn Khuyến	3.5	10	9	9.25	35.25
11	530352	Đặng Nguyễn Trọng Trung	Nam	20/02/2010	Trường THCS Hòa Đông	5	9.75	8	9	36.75
12	530351	Phạm Ngọc Bảo Trân	Nữ	08/10/2010	Trường THCS và THPT Đông Du	5	8.75	8.5	9	36.25
13	530278	Hoàng Minh Khôi	Nam	13/10/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	5.5	9.25	6.5	9.25	36
14	530215	Lê Khánh An	Nữ	25/10/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	4.25	9.25	8	9.75	35.5
15	530321	Hoàng Văn Pháp	Nam	06/11/2010	THCS Nguyễn Thị Minh Khai	5.25	8.75	8.5	9.75	37.5
16	530220	Phạm Trần Hoài Anh	Nữ	13/08/2010	Trường THCS Lương Thế Vinh	4.25	10	7.25	9.5	35.25
17	530252	Nguyễn Đình Hiếu	Nam	21/01/2010	Trường THCS Phạm Văn Đồng	4.5	9	8	9.5	35.5
18	530335	Tòng Thị Diễm Quỳnh	Nữ	04/12/2010	Trường THCS Lương Thế Vinh	4.25	10	7.75	9.25	35.5
19	530272	Lương Việt Khang	Nam	04/03/2010	THCS Hồ Tùng Mậu	4.25	9.25	9	9.5	36.25
20	530213	Đỗ Hoài An	Nữ	13/12/2010	Trường THCS Phạm Hồng Thái	4.75	9	9	9	36.5
21	530312	Lê Trần Vũ Nguyên	Nam	10/10/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	5.25	9.25	8.75	9.75	38.25
22	530313	Phạm Bá Cao Nguyên	Nam	25/10/2010	Trường THCS Dray Bông	5.5	9	8.75	9	37.75
23	530301	Huỳnh Phước Gia Minh	Nam	03/02/2010	Trường THCS Tân Lợi	4.25	9.75	7.75	9.5	35.5
24	530221	Trần Châu Anh	Nữ	10/03/2010	THCS Trần Quang Diệu	3.75	9.5	8.5	9.75	35.25
25	530226	Bùi Thị Kim Anh	Nữ	21/07/2010	THCS Lý Tự Trọng	5.5	9	8.5	9.5	38
26	530305	Nguyễn Thị Huyền My	Nữ	07/01/2010	TH, THCS VÀ THPT VICTORY	5	9.75	8.5	9.5	37.75



27	530218	Ngô Nguyễn Hoàng Anh	Nam	08/02/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	5	9.75	8.25	9.5	37.5
28	530247	Lê Doãn Hà	Nữ	05/08/2010	THCS Nguyễn Tất Thành	5.75	7.25	8	9.5	36.25
29	530320	Đào Ngọc Nguyễn Nhung	Nữ	23/05/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	6	9.75	8.5	8.25	38.5
30	530238	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	Nữ	28/01/2010	Trường THCS Hòa Phong	6	9	7.5	9.25	37.75
31	530273	Bùi Đình Bảo Khanh	Nam	17/04/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	5	9	7.75	10	36.75
32	530286	Đỗ Hoàng Gia Linh	Nữ	31/03/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	4.75	9.5	8.5	9	36.5
33	530356	Huỳnh Quang Vinh	Nam	26/02/2011	Trường THCS Lê Quý Đôn	5	8.5	7.5	9.75	35.75
34	530342	Trần Anh Thư	Nữ	11/02/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	4.5	9.5	8.42	9	35.92
35	530339	Đinh Nguyễn Phương Thảo	Nữ	06/12/2010	THCS Nguyễn Tất Thành	4.75	9.5	7.5	9	35.5

Danh sách này gồm: 35 thí sinh

Đắk Lắk, ngày 30 tháng 6 năm 2025

Giám đốc

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT

DANH SÁCH
THÍ SINH TRÚNG TUYỂN LỚP 10 THPT CHUYÊN NGUYỄN DU
NĂM HỌC 2025 - 2026
Lớp: TIẾNG ANH CHUYÊN



STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường THCS/ TH&THCS	Điểm M.C	Điểm Ngoại ngữ	Điểm Văn	Điểm Toán	Tổng điểm
1	530063	Nguyễn Việt Hoàng	Nam	23/04/2010	TH, THCS VÀ THPT VICTORY	8.1	10	8	8.75	42.95
2	530108	Lê Thị Phương Mai	Nữ	01/05/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	8	10	9	9	44
3	530055	Nguyễn Bảo Hân	Nữ	23/01/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	6.33	10	8.25	9	39.91
4	530048	Trần Nguyễn Yên Giang	Nữ	17/09/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	6.15	10	8.25	9.25	39.8
5	530132	Ngô Tuyết Nhi	Nữ	25/06/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	5.83	10	8.75	9	39.41
6	530030	Nguyễn Ngọc Minh Châu	Nữ	06/08/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	6.35	10	8	8.5	39.2
7	530137	Nguyễn Hồng Oanh	Nữ	28/07/2010	Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng	5.63	10	8.25	9.75	39.26
8	530154	Lê Vũ Như Tâm	Nữ	05/01/2010	Trường THCS Tân Lợi	4.48	9.75	9	8.75	36.46
9	530111	Ngô Quang Minh	Nam	26/03/2010	THCS Nguyễn Tất Thành	5.95	10	8.25	9.25	39.4
10	530068	Nguyễn Lê Tuyết Hồng	Nữ	09/04/2010	Trường THCS Lương Thế Vinh	4.88	10	8.75	8.75	37.26
11	530002	Nguyễn Trường An	Nam	16/09/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	5	9.5	8.25	9	36.75
12	530034	Nguyễn Thị Mai Chi	Nữ	12/10/2010	Trường THCS Trần Phú	6.38	9.75	8.5	7.75	38.76
13	530008	Phan Đình Phương Anh	Nữ	27/12/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	6.18	10	7.5	8.75	38.61
14	530080	Nguyễn Hữu Khải	Nam	19/02/2010	THCS Nguyễn Đình Chiểu	5.28	10	8	8.5	37.06
15	530110	Lê Nhật Hải Minh	Nam	06/11/2010	Trường THCS Tân Lợi	4.75	10	8.75	8.75	37
16	530158	Đoàn Lê Dạ Thảo	Nữ	08/04/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	5.5	9.75	7.5	9.25	37.5
17	530138	Nguyễn Tiến Phát	Nam	03/08/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	5.1	9.75	7.75	9.25	36.95
18	530136	Trần Thị Quỳnh Như	Nữ	19/01/2010	THCS Nguyễn Tất Thành	4.3	10	8.75	9.25	36.6
19	530085	Tổng Viêt Quốc Khánh	Nam	15/07/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	5.63	10	7	9	37.26
20	530102	Nguyễn Mai Linh	Nữ	05/01/2010	Trường THCS Phạm Văn Đồng	4.43	9.75	8.5	9	36.11
21	530014	Đỗ Hoài Anh	Nữ	20/09/2010	THCS Tháng 10	5.85	9.75	8	9.25	38.7
22	530141	Trần Nhật Phong	Nam	03/01/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	6.05	10	7.75	8.75	38.6
23	530099	Đoàn Ngọc Linh	Nữ	03/12/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	5.18	9.5	8.5	8.75	37.11
24	530050	Phan Nguyễn Văn Giang	Nữ	04/10/2010	TH, THCS VÀ THPT VICTORY	6.08	9.75	8	8.75	38.66
25	530179	Nguyễn Quang Trung	Nam	14/11/2010	THCS Chu Văn An	5.43	10	7.75	8.5	37.11
26	530093	Hà Huy Kiên	Nam	25/08/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	5.03	10	8	9	37.06



27	530153	Thân Nhật Tâm	Nam	08/08/2010	Trường THCS Nguyễn Trường Tộ	4.65	9.75	8.75	8.75	36.55
28	530005	Nguyễn Thục Khánh An	Nữ	23/07/2010	Trường Tiểu học & THCS Nguyễn Khuyến	5.05	10	8.5	8.75	37.35
29	530025	Phan Huỳnh Lê Băng	Nữ	12/11/2010	THCS Nguyễn Tất Thành	5.55	9.75	7.5	8.75	37.1
30	530029	Trần Minh Châu	Nữ	26/08/2010	Trường THCS Trưng Vương	5.65	10	8	9	38.3
31	530045	Trần Ngọc Đức	Nam	23/02/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	5.15	10	8.25	8.75	37.3
32	530125	La Trần Bảo Ngọc	Nữ	08/02/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	6.15	10	7.5	8.75	38.55
33	530088	Đặng Gia Khiêm	Nam	17/09/2010	Trường THCS Phạm Hồng Thái	5.1	9.75	8.5	8.75	37.2
34	530130	Trịnh Hoàng Nguyên	Nam	15/04/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	5.35	9.75	7	8.75	36.2
35	530044	Nguyễn Phạm Minh Đức	Nam	24/05/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	6.4	9.75	6.5	8.75	37.8

Danh sách này gồm: 35 thí sinh

Đắk Lắk, ngày 30 tháng 6 năm 2025

Giám đốc

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
KỶ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT

DANH SÁCH
THÍ SINH TRÚNG TUYỂN LỚP 10 THPT CHUYÊN NGUYỄN DU
NĂM HỌC 2025 - 2026
Lớp: TIN HỌC CHUYÊN



Số TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường THCS/ TH&THCS	Điểm M.C	Điểm Ngoại ngữ	Điểm Văn	Điểm Toán	Tổng điểm
1	530827	Trương Ngọc Lâm	Nam	16/12/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	9.9	9.5	7.25	9.5	46.05
2	530822	Đào Tuấn Khoa	Nam	15/06/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	10	10	8	9	47
3	530823	Võ Anh Khoa	Nam	10/01/2010	Trường THCS Cao Bá Quát	8.8	9	8	9	43.6
4	530824	Phạm Đăng Khoa	Nam	06/03/2010	Trường THCS Phạm Hồng Thái	7.6	10	7.25	8.75	41.2
5	530817	Trần Đức Nhật Huy	Nam	01/01/2010	TRƯỜNG TH, THCS VÀ THPT HOÀNG VIỆT	7.7	9.75	7.5	9	41.65
6	530841	Lại Thị Thảo Quyên	Nữ	01/03/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	7	9.25	8	9.5	40.75
7	530837	Từ Huy Phát	Nam	21/11/2010	Trường THCS Phạm Hồng Thái	7.7	9.5	7.25	8.75	40.9
8	530826	Nguyễn Ngọc Khuê	Nữ	13/06/2010	THCS Nguyễn Bình Khiêm	7.5	9.25	7.5	8.5	40.25
9	530849	Nguyễn Bảo Gia Uy	Nam	27/11/2010	Trường THCS Tân Lợi	6.6	10	6.75	9.5	39.45
10	530820	Mai Lê Châu Khanh	Nữ	23/09/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	7	9.25	8	8.75	40
11	530846	Trần Hữu Trọng	Nam	30/10/2010	Trường THCS Nguyễn Trường Tộ	6.3	8.5	6.5	8.5	36.1
12	530843	Huỳnh Quốc Minh Thắng	Nam	29/05/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	3.8	8	7.75	8.75	32.1
13	530828	Phạm Hoàng Long	Nam	09/01/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	6.3	8.75	7.5	9	37.85
14	530839	Nguyễn Hoàng Phúc	Nam	18/06/2010	Trường THCS Đoàn Thị Điểm	5.9	8.25	7.5	8.75	36.3
15	530813	Mai Trung Hiếu	Nam	12/12/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	3.9	8.25	5.75	8.75	30.55
16	530821	Lê Viết Khiêm	Nam	31/08/2010	Trường THCS Tân Lợi	4	9	7.5	7.75	32.25
17	530811	Hoàng Đình Quốc Đoàn	Nam	26/03/2010	TRƯỜNG TH, THCS VÀ THPT HOÀNG VIỆT	5.9	7.5	7.5	8.5	35.3
18	530806	Lê Chí Bảo	Nam	13/03/2010	Trường Phổ Thông Dân Tộc Nội Trú Tây Nguyên	5.8	6.25	7.25	8.5	33.6
19	530825	Nguyễn Hoàng Khôi	Nam	28/04/2010	Trường THCS Nguyễn Thị Minh Khai	4.5	7.75	6.75	8.75	32.25
20	530819	Trần Nguyễn Nguyên Hưng	Nam	19/08/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	4	8.75	6	8.25	31
21	530831	Nguyễn Đắc Minh	Nam	01/08/2010	Trường THCS Trần Quang Diệu	6.2	8.75	7	8	36.15
22	530840	Hà Đình Quốc	Nam	28/03/2010	Trường THCS Nguyễn Chí Thanh	4.8	10	6.75	8.75	35.1
23	530835	Phan Hoàng Nguyên	Nam	05/03/2010	Trường THCS Lương Thế Vinh	6.2	8	8.25	8.75	37.4



24	530814	Nguyễn Quang Hiếu	Nam	15/09/2010	Trường THCS Việt Đức	5	7.75	7.25	8.75	33.75
25	530818	Phan Huỳnh Minh Huy	Nam	10/02/2010	Trường THCS Lương Thế Vinh	4.8	9.5	6.5	8	33.6
26	530848	Lưu Việt Tùng	Nam	29/08/2010	THCS Hồ Tùng Mậu	2.9	8.5	7.75	8.5	30.55
27	530810	Trương Hữu Đăng	Nam	25/01/2010	Trường THCS Tân Lợi	5.5	10	8	9	38
28	530851	Vũ Ngọc Hạnh San	Nữ	21/12/2009	TRƯỜNG TH, THCS VÀ THPT HOÀNG VIỆT	6.7	9.5	7.5	8.75	39.15
29	530804	Mai Thế Bách	Nam	10/05/2010	TH, THCS VÀ THPT VICTORY	6.8	9.75	7.25	8.5	39.1
30	530833	Đinh Thị Thanh Ngọc	Nữ	25/09/2010	Trường THCS Đinh Tiên Hoàng	6.9	8	7.5	8.75	38.05
31	530845	Lê Đức Toàn	Nam	18/07/2010	THCS Phan Đình Phùng	3.6	8.5	6.75	8.5	30.95
32	530809	Trần Quang Dũng	Nam	13/09/2010	Trường THCS và THPT Đông Du	3.2	8.25	7.75	8.75	31.15
33	530834	Vũ Hữu Khánh Ngọc	Nữ	26/03/2010	TH, THCS VÀ THPT VICTORY	2.6	9.5	7.75	8.75	31.2
34	530808	Phạm Văn Dũng	Nam	19/07/2010	Trường THCS Tân Lợi	6.2	4.5	7.25	8	32.15
35	530816	Phan Đức Huy	Nam	07/05/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	5.4	7.25	6.25	8.75	33.05

Danh sách này gồm: 35 thí sinh

Đắk Lắk, ngày 30 tháng 6 năm 2025

Giám đốc

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT

DANH SÁCH
THÍ SINH TRÚNG TUYỂN LỚP 10 THPT CHUYÊN NGUYỄN DU
NĂM HỌC 2025 - 2026
Lớp: LỊCH SỬ CHUYÊN



Số TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường THCS/ TH&THCS	Điểm M.C	Điểm Ngoại ngữ	Điểm Văn	Điểm Toán	Tổng điểm
1	530751	Lê Võ Minh Châu	Nữ	26/12/2010	Trường THCS Trần Bình Trọng	9.5	9.5	8.25	8.25	45
2	530766	Nguyễn Hoàng Dạ Thuyền	Nữ	17/01/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	7.25	9.5	8.75	8.75	41.5
3	530759	Phạm Thị Ngọc Linh	Nữ	12/07/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	8	8.5	7.75	8.75	41
4	530734	Phan Thành Trung	Nam	03/11/2010	Trường THCS và THPT Đông Du	6	8.5	8.75	8.75	38
5	530104	Nguyễn Lâm Tuệ Linh	Nữ	14/12/2010	TH, THCS VÀ THPT VICTORY	3.45	9.75	7	8	31.65
6	530762	Nguyễn Lê Thảo Nguyên	Nữ	08/02/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	6.5	9.5	8.25	8.75	39.5
7	530687	Trần Hoàng Bảo Ngọc	Nữ	05/11/2010	Trường THCS Tân Lợi	6	9	8.75	8.75	38.5
8	530632	Vũ Phạm Trúc Anh	Nữ	26/04/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	6	9.5	8.25	8.5	38.25
9	530635	Đinh Duy Gia Bảo	Nam	29/09/2010	TRƯỜNG THCS PHAN BỘI CHÂU	7.5	8	7	8	38
10	530711	Nguyễn Thị Phương Thảo	Nữ	01/05/2010	Trường THCS và THPT Đông Du	6	9.25	8.75	8.5	38.5
11	530752	Lê Hữu An Cơ	Nam	19/08/2010	Trường THCS Dray Bông	7.25	5.75	7.75	8.75	36.75
12	530739	Trần Thảo Uyên	Nữ	16/03/2010	THCS Nguyễn Tất Thành	7.25	7.5	7.5	8.25	37.75
13	530747	Nguyễn Hoài Anh	Nữ	21/12/2010	Trường THCS Trần Quang Diệu	3.5	7.5	8.25	8.5	31.25
14	530761	Nguyễn Đức Gia Minh	Nam	03/04/2010	THCS Trần Quang Diệu	3.75	6.25	6.75	8	28.5
15	530760	Lưu Đức Mạnh	Nam	17/01/2010	Trường THCS Hùng Vương	3	7.75	8.25	8.5	30.5
16	530654	Lê Thị Thu Hoài	Nữ	08/04/2010	TrườngTHCS Hùng Vương	6.25	9	9	8.75	39.25
17	530625	Phạm Thảo Quỳnh Anh	Nữ	04/03/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	6.5	9.25	8	8.75	39
18	530184	Ngô Nhã Uyên	Nữ	12/10/2010	THCS Trần Quang Diệu	2.63	9.75	8	8.75	31.76
19	530749	Dương Gia Bảo	Nam	21/09/2010	Trường THCS Hùng Vương	6.25	8.25	8	8	36.75
20	530175	Nguyễn Phan Ngọc Trân	Nữ	10/01/2010	Trường THCS Tân Lợi	2.4	9.25	7.25	9	30.3
21	530758	Ngô Tuyết Hoa	Nữ	07/07/2010	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	3.25	7	7.5	8.25	29.25
22	530748	Lê Nguyễn Thảo Anh	Nữ	17/09/2010	THCS Nguyễn Tất Thành	4.5	9.5	8.5	9	36
23	530755	Trần Nguyễn Minh Đăng	Nam	23/09/2010	TRƯỜNG THCS NGUYỄN TRÃI	7.5	9.25	7.25	6.75	38.25
24	530630	Nguyễn Văn Anh	Nữ	10/02/2010	Trường THCS Đoàn Thị Điểm	6.5	7.5	8.75	8.75	38



25	530746	Lê Hà Anh	Nữ	09/12/2010	Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng	6.25	9.25	9	7	37.75
26	530763	Võ Nguyễn Hoàng Oanh	Nữ	06/11/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	4.25	7	7.5	8.5	31.5
27	530754	Đoàn Trần Duyên Duyên	Nữ	27/09/2010	THCS Nguyễn Văn Trỗi	2.75	8	7.25	7.75	28.5
28	530764	Lê Thị Thuỳ Phương	Nữ	03/08/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	5.75	9.25	8	9.25	38
29	530765	Lê Ngô Ngọc Phương	Nữ	16/01/2010	THCS Hồ Tùng Mậu	6.75	7.25	7.25	8	36
30	530750	Hoàng Gia Bảo	Nam	28/05/2010	Trường THCS Nguyễn Chí Thanh	5.25	7.25	7	5.75	30.5
31	530756	Trần Khánh Hà	Nữ	10/10/2010	Trường Phổ Thông Dân Tộc Nội Trú Tây Nguyên	4.25	6.25	6.75	7.5	29
32	530172	Lê Phương Trang	Nữ	01/01/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	3.13	9.5	8.75	8.75	33.26
33	530753	Nguyễn Hữu Duy	Nam	10/10/2010	Trường THCS Phạm Hồng Thái	4	8.75	8	8.5	33.25
34	530768	Nguyễn Hải Quỳnh Thy	Nữ	23/01/2010	Trường THCS Đoàn Thị Điểm	2.75	9.5	7.5	8.75	31.25
35	530062	Lê Thúy Hiền	Nữ	26/02/2010	Trường THCS Nguyễn Chí Thanh	3.58	9.5	8.5	8.75	33.91

Danh sách này gồm: 35 thí sinh

Đắk Lắk, ngày 30 tháng 6 năm 2025

Giám đốc

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
KỶ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT

DANH SÁCH
THÍ SINH TRÚNG TUYỂN LỚP 10 THPT CHUYÊN NGUYỄN DU
NĂM HỌC 2025 - 2026
Lớp: SINH HỌC CHUYÊN



STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường THCS/ TH&THCS	Điểm M.C	Điểm Ngoại ngữ	Điểm Văn	Điểm Toán	Tổng điểm
1	530571	Nguyễn Đình Khôi	Nam	04/01/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	9.5	10	8.5	9.5	47
2	530546	Nguyễn Trần Thiên An	Nữ	11/02/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	8.75	10	9	8.75	45.25
3	530616	Nguyễn Cao Tường Vân	Nữ	19/03/2010	Trường THCS Tân Lợi	8.63	10	8.75	8.75	44.76
4	530605	Nguyễn Lê Thuỷ Tiên	Nữ	25/07/2010	Trường THCS Lương Thế Vinh	8.5	9.5	8.25	8.5	43.25
5	530582	Lê Phương Nga	Nữ	19/03/2010	Trường THCS Nguyễn Thị Minh Khai	8.5	9	8.75	8.75	43.5
6	530606	Nguyễn Trung Tín	Nam	28/04/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	8.25	9.75	7.5	9.25	43
7	530547	Trần Nguyễn Hà An	Nữ	30/01/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	7.63	10	9	8.75	43.01
8	530608	Trịnh Hồng Bảo Trân	Nữ	23/04/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	8.75	9	7.75	8.75	43
9	530578	Phan Hoàng Long	Nam	10/10/2010	THCS Hồ Tùng Mậu	8.75	9.25	7	9	42.75
10	530590	Nguyễn Việt Minh Phúc	Nam	01/01/2010	THCS Nguyễn Văn Trỗi	8.63	8.5	7.25	8.25	41.26
11	530580	Lê Anh Minh	Nam	21/11/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	8.63	8.25	6.75	8.75	41.01
12	530549	Nguyễn Trần Quỳnh Anh	Nữ	14/06/2010	TH, THCS VÀ THPT VICTORY	7.63	9	7.75	9.25	41.26
13	530589	Bùi Gia Phong	Nam	12/04/2010	Trường THCS Tân Lợi	7.63	9.5	8.25	9	42.01
14	530552	Trần Hoàng Báu	Nam	11/11/2010	TRƯỜNG TH, THCS VÀ THPT HOÀNG VIỆT	7.75	8.25	8.5	8.75	41
15	530603	Trương Trần Duy Thịnh	Nam	30/08/2010	Trung Học Cơ Sở Huỳnh Thúc Kháng	8.25	9.25	6.5	8.5	40.75
16	530601	Hoàng Lê Phương Thảo	Nữ	15/01/2010	Trường THCS Đoàn Thị Điểm	7.25	9	8.75	8.5	40.75
17	530598	Nguyễn Mạnh Tân	Nam	04/07/2010	Trường THCS Trần Phú	7.5	8.5	7.75	8.75	40
18	530588	Thái Thị Tuyết Như	Nữ	03/05/2010	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	7.5	8	7.75	8.75	39.5
19	530619	Lê Hoàng Yến	Nữ	25/09/2010	Trường THCS và THPT Đông Du	5	9.75	8	8.5	36.25
20	530599	Nguyễn Ngọc Giang Thanh	Nữ	04/01/2010	Trường THCS Dray Bông	6.88	6.75	7.5	8.75	36.76
21	530566	Đoàn Nguyễn Trung Hiếu	Nam	17/01/2010	Trường THCS Đoàn Thị Điểm	6.88	7.75	8	8.75	38.26
22	530612	Nguyễn Trung Trục	Nam	26/06/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	6.38	8.25	7.5	8.75	37.26
23	530610	Nguyễn Đức Trí	Nam	05/03/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	6.75	8.25	8	9	38.75
24	530560	Nguyễn Trần Mạnh Hải	Nam	28/07/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	6.38	9.75	7.25	9.25	39.01



25	530617	Nguyễn An Vinh	Nam	09/03/2010	THCS Phan Đình Phùng	6.38	7.25	7.5	8.5	36.01
26	530581	Võ Quang Minh	Nam	26/01/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	5.5	9	6.5	8.75	35.25
27	530584	Lê Minh Nghi	Nữ	09/01/2010	THCS Nguyễn Tất Thành	6.13	9	8.5	9	38.76
28	530551	Nguyễn Phạm Kiều Anh	Nữ	01/02/2010	THCS Chu Văn An	6.63	9.25	7.5	8.75	38.76
29	530611	Nguyễn Thị Thanh Trúc	Nữ	29/10/2010	Trường THCS và THPT Đông Du	6.38	9.5	8	8.25	38.51
30	530595	Nguyễn Trần Đan Quỳnh	Nữ	01/01/2010	TRƯỜNG TH, THCS VÀ THPT HOÀNG VIỆT	6.38	8.75	7.25	8.75	37.51
31	530591	Lê Phạm Nguyên Phúc	Nữ	03/10/2010	THCS Nguyễn Khuyến	5.5	9.75	8	8.75	37.5
32	530561	Đặng Nguyễn Thủy Hằng	Nữ	15/11/2010	Trường THCS và THPT Đông Du	6.25	8.5	8.5	7.75	37.25
33	530568	Nguyễn Đăng Khang	Nam	14/09/2010	Trường THCS Lương Thế Vinh	6.63	9.5	7.5	8.75	39.01
34	530553	Lê Lưu Hồng Châu	Nữ	29/01/2010	Trường THCS Phan Chu Trinh	5.28	9	8.5	8.75	36.81
35	530579	Nông Thị Khánh Ly	Nữ	23/04/2010	Trường THCS Hùng Vương	5.75	7.5	9	8.75	36.75

Danh sách này gồm: 35 thí sinh

Đắk Lắk, ngày 30 tháng 6 năm 2025

Giám đốc